

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Hồng Trang.
2. Ông Triệu Thanh Quan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Kim H1 - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phan Kim H1 trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trần Văn U cưới nhau tháng 01-2002, đăng ký kết hôn ngày 19-5-2004 tại Ủy ban nhân dân xã MTB. Chung sống đến tháng 10-2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3-2014.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn U.

Về nuôi con chung: Bà và ông U có hai con chung tên Trần Tuấn V, sinh ngày 15-12-2002 và Trần Thị Kim H2, sinh ngày 19-8-2006, hiện các con chung đang sống với ông U. Khi ly hôn, bà yêu cầu theo nguyện vọng con chung, nếu con

chung muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2017, bị đơn là ông Trần Văn U trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H1 về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, về con chung và việc không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông cho rằng không có mâu thuẫn như lời bà H1 trình bày, do bà H1 tự ý bỏ nhà đi.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với điều kiện bà H1 phải trả cho ông số tiền 12.000.000 đồng đã mượn.

Về nuôi con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì ông yêu cầu theo nguyện vọng con chung, nếu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có.

Về nợ riêng: Ông yêu cầu bà H1 trả cho ông số tiền 12.000.000 đồng tiền bà H1 đã mượn.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, bà Phan Kim H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Văn U được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Kim H1 khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Trần Văn U, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Phan Kim H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Phan Kim H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Trần Văn U được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông U vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông U không được quyền khiếu nại về việc tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà H1 và ông U chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân MTB, huyện H, tỉnh Long An ngày 19-5-2004. Quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông U là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét về hôn nhân: Bà H1 yêu cầu ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Ông U cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì mà do bà H1 tự bỏ nhà đi. Bà H1 và ông U không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng xét bà H1 và ông U thừa nhận ông bà đã ly thân từ tháng 3-2014, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà H1 và ông U đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H1 yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ngược lại, ông U lấy việc yêu cầu bà H1 trả cho ông số tiền 12.000.000 đồng làm điều kiện để ly hôn là không phù hợp.

[7] Xét về nuôi con chung: Bà H1 và ông U có hai con chung tên Trần Tuấn V, sinh ngày 15-12-2002 và Trần Thị Kim H2, sinh ngày 19-8-2006, hiện các con chung đang sống với ông U. Bà H1 và ông U yêu cầu thống nhất là nguyện vọng con chung muốn sống với ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Nguyện vọng của các con chung muốn sống với ông U. Nội dung đương sự thống nhất nêu trên là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận để giao các con chung cho ông U trực tiếp nuôi, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[8] Xét về chia tài sản chung: Bà H1 và ông U trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[9] Xét về chia nợ chung: Bà H1 và ông U trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[10] Xét về nợ riêng: Ông U trình bày và bà H1 đồng ý có nợ ông U 12.000.000 đồng, nhưng ông U không làm đơn yêu cầu giải quyết, không cung cấp chứng cứ chứng minh, nên không đề cập giải quyết, nếu xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[11] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Kim H1 được ly hôn với ông Trần Văn U.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Trần Văn U được trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Tuấn V, sinh ngày 15-12-2002 và Trần Thị Kim H2, sinh ngày 19-8-2006 (theo nguyện vọng con chung), hiện các con chung đang sống với ông U. Bà Phan Kim H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Bà H1 được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông U được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ riêng: Ông Trần Văn U không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Kim H1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0007903 ngày 01-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Đương sự vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTB;
- (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương